

Tam Đường, ngày 15 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện công tác CCHC Quý III năm 2021

Căn cứ Công văn số 222/SNV-XDCQ ngày 22/02/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ, UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ	
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	36	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	23	(Số nhiệm vụ còn lại chưa đến thời hạn thực hiện)
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	13	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số phòng, ban chuyên môn đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Công tác tuyên truyền CCHC			
1.3.1.	Số nội dung tuyên truyền	Nội dung	3	

1.3.2.	Hình thức tuyên truyền	Hình thức	4	
1.3.3.	Số lượng tin, bài đã tuyên truyền	Tin, bài	24	
1.3.4.	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền	%	70%	
1.4.	Thực hiện nhiệm vụ, kết luận do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	386	
1.4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	386	
1.4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.4.	Số nhiệm vụ chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo UBND huyện với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0; Có = 1	1	KH số 473/KH-UBND ngày 28/4/2021 của UBND huyện Tam Đường về việc tổ chức Hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp của Chủ tịch UBND huyện với đại diện Nhân dân trên địa bàn huyện Tam Đường năm 2021
2	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành	Văn bản	1	Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Tư pháp huyện Tam Đường
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	41	Văn bản QPPL do HĐND, UBND huyện ban hành từ ngày 01/01/2005-31/12/2020
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung: 6 văn bản; bãi bỏ: 13 văn bản.

2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0
3	Cải cách thủ tục hành chính		
3.1.	Thống kê TTHC		
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	375
Trong đó	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	253
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	122
3.2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		
3.2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	35
3.2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	16
3.2.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC		
3.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC tiếp nhận mới		12.772
Trong đó	Cấp huyện	TTHC	745
	Cấp xã	TTHC	12.027
3.4.2	Số hồ sơ TTHC kỳ trước chuyển qua	TTHC	26
Trong	Cấp huyện	TTHC	26

đó	Cấp xã	TTHC	0	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn	%	100%	
Trong đó	do UBND cấp huyện tiếp nhận	%	100%	
	do UBND cấp xã tiếp nhận	%	100%	(trong đó có 10,2% là giải quyết sớm hạn)
3.3.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết quá hạn	%	0	
Trong đó	do UBND cấp huyện tiếp nhận	%	0	
	do UBND cấp xã tiếp nhận	%	0	
3.3.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 2 cấp)	%	100%	
3.3.6.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 2 cấp)	%	100%	
3.4	Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện:			
3.4.1	Số phản ánh, kiến nghị (PAKN) đã tiếp nhận (bao gồm cả kỳ trước chuyển qua)	PAKN	0	
3.4.2	Tổng số PAKN đã xử lý xong	PAKN	0	
3.4.3	Tổng số PAKN đang xử lý	PAKN	0	
3.6.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	375	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	47	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục	47	

4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	12	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	2	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp huyện thành lập	Cơ quan, đơn vị	0	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện	Cơ quan, đơn vị	44	
Trong đó	Số DVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	44	
	Tỷ lệ DVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	Cơ quan, đơn vị	9	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	92	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	74	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	5	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	12%	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1.457	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	1.390	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		

4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	12,6%	
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	44	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Số lãnh đạo UBND huyện hiện có mặt	Người	3	
5.3.2.	Số lãnh đạo UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	1	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền)			

5.4.	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật	Người		
5.4.1.	Số lãnh đạo UBND huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	
5.5.	Về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức			
5.5.1.	Số nhiệm vụ của đơn vị được giao trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của tỉnh	Nhiệm vụ	10	
5.5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	Nhiệm vụ	0	
5.5.3.	Số cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ trong kỳ báo cáo	Lượt người	0	
6	Cải cách tài chính công			
6.1.	Các văn bản triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014	Văn bản		
6.2.	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện thực hiện cơ chế tự chủ		44	
6.2.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	2	
6.2.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	

6.2.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	41	
6.2.5.	Số đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp (trong kỳ báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT			
	Số nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch	Nhiệm vụ	9	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành theo kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
7.2.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.2.1.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện	Văn bản	2928	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	$2767/2928 = 94,5\%$	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	$161/2928 = 5,5\%$	
7.2.2.	Tỷ lệ đơn vị đã triển khai ứng dụng chữ ký số		100	
Trong đó	Tỷ lệ lãnh đạo, cán bộ của cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan đã được cấp chữ ký số	%	100	
	Tỷ lệ văn bản đi được ký số (số văn bản đi được ký số/tổng số văn bản đi *100)	%	$2727/2928 = 93,1\%$	
7.2.3.	Sử dụng thư điện tử	%		
Trong	Tỷ lệ phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử chung	%	100	

đó	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được cấp hộp thư thường xuyên sử dụng	%	92,5	
7.3.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.7.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	4	
7.3.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	43	
7.3.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0,6	
7.3.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	3,6	

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV (2b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Sùng Lữ Páo